

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

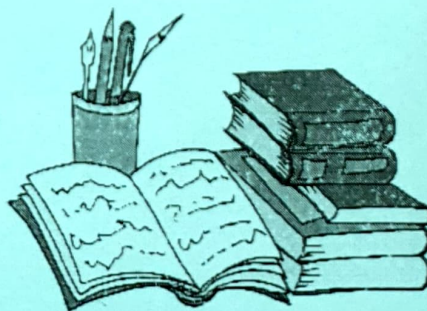
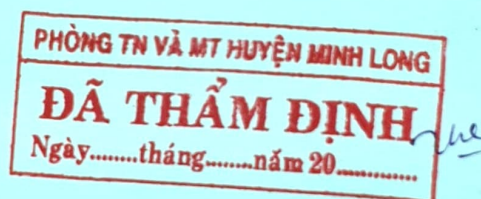
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**HỒ SƠ PHÊ DUYỆT
PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ GIẢI
PHÓNG MẶT BẰNG**

**CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ VÙNG
ĐBKK THÔN LÀNG TRÊ.**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ LONG MÔN, HUYỆN MINH LONG

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: BAN QUẢN LÝ DA ĐTXD VÀ PTQĐ



Năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc xem xét thẩm định và trình phê duyệt Phương án bồi thường,
hỗ trợ và giải phóng mặt bằng công trình:**

Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê

Địa điểm xây dựng: Xã Long Môn, huyện Minh Long

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Quy định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020-2024);

Căn cứ Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành đơn giá cây trồng, để thực hiện việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Minh Long;

Căn cứ Quyết định số 1056/QĐ-STNMT ngày 28/12/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ngãi về việc sửa đổi, bổ sung một số biểu mẫu để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 694/QĐ-STNMT ngày 02/11/2016 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của UBND huyện Minh Long về việc ban hành qui định từng vị trí đất nông nghiệp theo địa giới hành chính cấp xã để áp dụng trên địa bàn huyện Minh Long cho thời kỳ 05 năm (2020-2024);

Căn cứ Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc phê duyệt báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê;

Căn cứ thông báo thu hồi đất số 19/TB-UBND đến số 64/TB-UBND ngày 31/01/2022 của UBND huyện Minh Long về việc thông báo thu hồi đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang quản lý sử dụng đất để xây dựng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê. Địa điểm: Xã Long Môn, huyện Minh Long;

Căn cứ Công văn số 131/UBND-KTTH ngày 20/02/2023 của UBND huyện Minh Long về việc thống nhất công nhận hiện trạng sử dụng đất loại đất, diện tích, chủ sử dụng đất đối với thửa đất chưa có giấy tờ về quyền sử dụng đất để làm cơ sở áp giá bồi thường và thẩm định bản đồ công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê;

Căn cứ Công văn số 192/UBND-KTTH ngày 09/3/2023 của UBND huyện Minh Long về việc thống nhất công nhận hiện trạng sử dụng đất loại đất, diện tích, chủ sử dụng đất đối với thửa đất có biến động về diện tích giữa giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp so với hiện trạng SDD để tính tiền bồi thường công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê;

Căn cứ Công văn số 280/UBND-KTTH ngày 30/3/2023 của UBND huyện Minh Long về việc thống nhất thu hồi diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi mà không còn khả năng canh tác do ảnh hưởng của công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê;

Căn cứ Công văn số 81/UBND-KTTH ngày 07/2/2023 huyện Minh Long về việc thống nhất đơn giá bồi thường cây lúa để làm áp giá tính giá trị bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê;

Căn cứ Công văn số 968/STC-QLGCS ngày 04/4/2023 của Sở Tài chính về việc đơn giá gạo tẻ thường quý II/2023 để làm cơ sở tính hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Công văn số 4218/UBND-NNTN ngày 20/8/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc kinh phí dự phòng thực hiện cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh;

Để kịp thời bàn giao mặt bằng thi công công trình đảm bảo đúng tiến độ, Ban quản lý DA ĐTXD và Phát triển quỹ đất huyện tiến hành lập Phương án bồi

thường, hỗ trợ và GPMB gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường xem xét và tham mưu cho UBND huyện quyết định, với những nội dung sau:

Trên cơ sở số liệu đã kiểm kê và đơn giá bồi thường của từng loại tài sản, được UBND tỉnh qui định, Ban quản lý DA ĐTXD và Phát triển quỹ đất huyện Minh Long áp giá bồi thường cho từng loại tài sản, tổng hợp dự toán chi phí bồi thường, chi phí hỗ trợ và các chi phí thực hiện cụ thể như sau:

*** Tổng hợp chung:**

I. Tổng diện tích đất thu hồi là: 18133,9 m²

- Diện tích thu hồi trong quy hoạch: 18007,0 m²

- Diện tích ngoài quy hoạch thu hồi luôn: 126,9 m²

Trong đó:

1. Đất nông nghiệp: 16101,2 m²

Tổng số thửa đất được bồi thường hỗ trợ: 40 thửa

+ Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) VT1: 3919,8 m²

+ Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) VT1: 67 m²

+ Đất trồng cây lâu năm (CLN) VT1: 6299,3 m²

+ Đất trồng rừng sản xuất (RSX) VT1: 5303,5 m²

+ Đất trồng cây hàng năm khác (BHK) VT1: 511,6 m²

2. Tổng số hộ gia đình, cá nhân được bồi thường hỗ trợ: 11 hộ gia đình, cá nhân.

II/ Tổng kinh phí: 2.414.051.760 đồng

Làm Tròn : 2.414.052.000 đồng

(Bằng chữ: Hai tỷ bốn trăm mười bốn triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng)

Trong đó:

Phần 1. Chi phí bồi thường, hỗ trợ trực tiếp: 2.336.932.972 đồng

1. Bồi thường về đất : 1.811.689.100 đồng

2. Bồi thường về cây cối hoa màu: 503.868.872 đồng

3. Các khoản hỗ trợ: 21.375.000 đồng

Phần 2. Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ
(phần 1*3): 70.107.989 đồng

Phần 3. Chi phí cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất
(phần 2*10): 7.010.799 đồng

Phần 4. Nguồn vốn đầu tư: Vốn chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Phần 5. Thời gian thực hiện: Năm 2022-2023.

Ban quản lý DAĐTXD và Phát triển quỹ đất kính đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường xem xét và tham mưu cho UBND huyện quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng TN&MT huyện;
- Lưu.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Thịnh

Minh Long, ngày 06 tháng 4 năm 2023

PHƯƠNG ÁN
BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ GPMB
Công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê
Địa điểm xây dựng: Xã Long Môn, huyện Minh Long

PHẦN I
GIỚI THIỆU CHUNG

I. Đặt vấn đề:

Công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê được Ủy ban nhân dân huyện Minh Long phê duyệt tại Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc phê duyệt báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê. Công trình do Ban quản lý DA ĐTXD và PTQĐ đại diện UBND huyện Minh Long làm chủ đầu tư. Công tác bồi thường GPMB của công trình do Ban quản lý DA ĐTXD và PTQĐ huyện Minh Long thực hiện.

Vị trí địa điểm: Xã Long Môn, huyện Minh Long, diện tích đất bị thu hồi trong phương án là đất nông nghiệp.

II. Thông tin chung về công trình:

- 1. Tên công trình:** Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê.
- 2. Chủ đầu tư:** UBND huyện Minh Long.
- 3. Đơn vị thực hiện:** Ban quản lý DA ĐTXD và PTQĐ huyện Minh Long đại diện UBND huyện Minh Long thực hiện.
- 4. Địa điểm xây dựng:** Xã Long Môn, huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi.
- 5. Tổng mức đầu tư:** 5.963.000.000 đồng.
- 6. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
- 7. Thời gian thực hiện:** Năm 2022-2023.
- 8. Đơn vị thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình, tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình:** Công ty TNHH tư vấn tổng hợp Bình Minh.

9. Cơ quan thực hiện công tác bồi thường, GPMB: Ban quản lý DA ĐTXD và PTQĐ huyện Minh Long.

10. Đơn vị lập phương án bồi thường: Ban quản lý DA ĐTXD và PTQĐ huyện Minh Long.

11. Đơn vị thẩm định phương án bồi thường: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Minh Long.

12. Cơ quan phê duyệt phương án bồi thường: UBND huyện Minh Long.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

14. Quy mô dự án: Tổng diện tích thu hồi là 18133,9m², diện tích trong quy hoạch 18007m², diện tích ngoài quy hoạch thu hồi luôn 126,9m², gồm 46 thửa; thuộc tờ bản đồ địa chính số 3; 4; 10 tỷ lệ 1/1000 và tờ số 5, tỷ lệ 1/5000 xã Long Môn, huyện Minh Long, do Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Hung An thực hiện. (Có bản đồ trích đo địa chính khu đất đã thẩm định kèm theo).

15. Mục tiêu xây dựng:

Nhằm tập trung dân cư từ các khu vực dân cư hiện hữu có nguy hiểm cao bị ảnh hưởng bởi thiên tai, góp phần ổn định tinh thần và cuộc sống. Từ đó thúc đẩy sự phát triển về đời sống kinh tế, văn hoá cho nhân dân. Đồng thời đem lại cho người dân môi trường sống trong sạch, lành mạnh và hiện đại. Đầu tư xây dựng công trình Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê góp phần thực hiện mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Minh Long theo chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tạo mỹ quan trong khu vực trung tâm xã góp phần từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật của xã Long Môn trong giai đoạn phấn đấu xã đạt chuẩn nông thôn mới.

III. Căn cứ và nguyên tắc lập phương án và dự toán bồi thường:

1. Căn cứ:

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Quy định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020-2024);

Căn cứ Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành đơn giá cây trồng, để thực hiện việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Minh Long;

Căn cứ Quyết định số 1056/QĐ-STNMT ngày 28/12/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ngãi về việc sửa đổi, bổ sung một số biểu mẫu để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 694/QĐ-STNMT ngày 02/11/2016 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của UBND huyện Minh Long về việc ban hành qui định từng vị trí đất nông nghiệp theo địa giới hành chính cấp xã để áp dụng trên địa bàn huyện minh Long cho thời kỳ 05 năm (2020-2024);

Căn cứ Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc phê duyệt báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê;

Căn cứ thông báo thu hồi đất số 19/TB-UBND đến số 64/TB-UBND ngày 31/01/2022 của UBND huyện Minh Long về việc thông báo thu hồi đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang quản lý sử dụng đất để xây dựng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê. Địa điểm: Xã Long Môn, huyện Minh Long;

Căn cứ Công văn số 131/UBND-KTTH ngày 20/02/2023 của UBND huyện Minh Long về việc thông nhất công nhận hiện trạng sử dụng đất loại đất, diện tích, chủ sử dụng đất đối với thửa đất chưa có giấy tờ về quyền sử dụng đất để làm cơ sở áp giá bồi thường và thẩm định bản đồ công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê;

Căn cứ Công văn số 192/UBND-KTTH ngày 09/3/2023 của UBND huyện Minh Long về việc thông nhất công nhận hiện trạng sử dụng đất loại đất, diện tích, chủ sử dụng đất đối với thửa đất có biến động về diện tích giữa giấy chứng

Đơn vị lập phương án, BT GPMB: Ban quản lý DA ĐTXD và PTQĐ huyện Minh Long
nhận QSDĐ đã cấp so với hiện trạng SĐĐ để tính tiền bồi thường công trình;
Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê;

Căn cứ Công văn số 280/UBND-KTTH ngày 30/3/2023 của UBND huyện Minh Long về việc thống nhất thu hồi diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi mà không còn khả năng canh tác do ảnh hưởng của công trình; Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê;

Căn cứ Công văn số 81/UBND-KTTH ngày 07/02/2023 của UBND huyện Minh Long về việc thống nhất đơn giá bồi thường cây lúa để làm áp giá tính giá trị bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê;

Căn cứ Công văn số 968/STC-QLGCS ngày 04/4/2023 của Sở Tài chính về việc đơn giá gạo tẻ thường quý II/2023 để làm cơ sở tính hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Công văn số 4218/UBND-NNTN ngày 20/8/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc kinh phí dự phòng thực hiện cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê đã được lập, được sự thống nhất của chủ sử dụng đất bị ảnh hưởng của dự án, tổ kiểm kê, đại diện của những hộ dân có đất bị thu hồi và UBND xã Long Môn xác nhận.

Để kịp thời bàn giao mặt bằng thi công công trình đảm bảo đúng tiến độ, Ban quản lý DA ĐTXD và Phát triển quỹ đất huyện tiến hành lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng sau khi niêm yết công khai phương án bồi thường dự kiến tại Khu dân cư và UBND xã Long Môn.

2. Nguyên tắc bồi thường:

- Người bị Nhà nước thu hồi đất phải có đủ điều kiện quy định tại Điều 75 và Điều 77 của Luật đất đai năm 2013 thì được bồi thường.

+ Đất nông nghiệp, vườn ao cùng thửa đất ở được bồi thường, hỗ trợ bằng tiền.

- Bồi thường đối với cây cối, hoa màu và vật nuôi (nuôi trồng thủy sản) trên đất được bồi thường theo quy định tại Điều 11 của Quyết định 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, Điều 90 Luật Đất đai năm 2013.

3. Phân tích đơn giá:

a. Đất đai:

Áp dụng giá đất theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020-2024);

Hệ số điều chỉnh giá đất theo Quyết định số Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê, huyện Minh Long để tính bồi thường, hỗ trợ công trình là 1.

Như vậy đơn giá được tính bồi thường cho 1m² đất nông nghiệp thuộc xã Long Môn như sau:

Giá đất nông nghiệp (Đất chuyên trồng lúa nước; đất trồng lúa nước còn lại) Vị trí 1 xã Long Môn là: **32.000 đồng/m²**.

Giá đất nông nghiệp (Đất trồng cây hàng năm khác) Vị trí 1 xã Long Môn là: **32.000 đồng/m²**.

Giá đất nông nghiệp (Đất trồng cây lâu năm) Vị trí 1 xã Long Môn là: **32.000 đồng/m²**.

Giá đất nông nghiệp (Đất trồng rừng sản xuất) Vị trí 1 xã Long Môn là: **18.000 đồng/m²**.

b. Phần cây cối, hoa màu:

- Đơn giá bồi thường được áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước tại Quyết định 48/2022/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành đơn giá cây trồng, để thực hiện việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong năm 2023;

Bồi thường đối với cây cối, hoa màu và vật nuôi (nuôi trồng thủy sản) trên đất được bồi thường theo quy định tại Điều 11 của Quyết định 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, Điều 90 Luật Đất đai năm 2013.

c. Phần hỗ trợ:

Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất.

- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (kể cả đất vườn, ao và đất nông nghiệp) thì được hỗ trợ ổn định đời sống với khoản thanh toán bằng tiền mặt tương đương với 30kg/người/tháng:

+ Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 06 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở, trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng;

+ Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở, trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 36 tháng;

- Diện tích đất thu hồi quy định theo các điểm trên được xác định theo từng quyết định thu hồi đất của UBND cấp có thẩm quyền.

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định sau.

+ Thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 01 tháng.

+ Thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 02 tháng.

+ Thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 03 tháng.

- Giá gạo tẻ thường bình quân quý II/2023 để làm cơ sở tính hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất thực hiện theo Công văn số 968/STC-QLGCS ngày 04/4/2023 của Sở Tài chính là 12.500 đồng/kg. Đơn giá hỗ trợ theo mức cụ thể như sau:

+ Hộ gia đình bị thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống với giá trị.

$$01 \text{ tháng} * 30 \text{ kg} * 12.500 \text{ đồng/kg} = 375.000 \text{ đồng/khẩu}$$

+ Hộ gia đình bị thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống với giá trị.

$$02 \text{ tháng} * 30 \text{ kg} * 12.500 \text{ đồng/kg} = 750.000 \text{ đồng/khẩu}$$

+ Hộ gia đình bị thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống với giá trị.

$$03 \text{ tháng} * 30 \text{ kg} * 12.500 \text{ đồng/kg} = 1.125.000 \text{ đồng/khẩu}$$

+ Hộ gia đình bị thu hồi từ 30% đến dưới 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống với giá trị.

$$06 \text{ tháng} * 30 \text{ kg} * 12.500 \text{ đồng/kg} = 2.250.000 \text{ đồng/khẩu}$$

+ Hộ gia đình bị thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống với giá trị.

$$12 \text{ tháng} * 30 \text{ kg} * 12.500 \text{ đồng/kg} = 4.500.000 \text{ đồng/khẩu}$$

Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

Theo điểm a và điểm b, Khoản 1 điều 15 của Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy

Đơn vị lập phương án, BT GPMB: Ban quản lý DA ĐTXD và PTQĐ huyện Minh Long định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi quy định. “Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại khoản 6, Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm như sau: Đối với đất nông nghiệp: Khu vực 08 phường thuộc thành phố Quảng Ngãi, mức hỗ trợ bằng bằng 5,0 lần, Khu vực phường Trương Quang Trọng, xã Nghĩa Đồng, Nghĩa Dũng và thị trấn các huyện, mức hỗ trợ bằng 04 lần, các xã còn lại, mức hỗ trợ **bằng 03 lần** giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định hiện hành của UBND tỉnh đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường, nhưng diện tích được hỗ trợ không vượt quá hai (02 ha) cho một hộ”.

“Đối với đất lâm nghiệp (đất rừng sản xuất) mức hỗ trợ bằng 3,5 lần giá đất lâm nghiệp cùng loại trong bảng giá các loại đất quy định hiện hành của UBND tỉnh đối với toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp thu hồi đủ điều kiện bồi thường, nhưng diện tích được hỗ trợ không vượt quá diện tích nằm trong phương án giao đất của địa phương (nếu địa phương không có phương án giao đất thì diện tích tính hỗ trợ không quá năm (05) ha)”.

- Giá đất nông nghiệp (Đất chuyên trồng lúa nước và đất trồng lúa nước còn lại) Vị trí 1 miền núi là: 32.000 đồng/m². Đơn giá hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là: 32.000 đồng x 3 lần = 96.000 đồng.

- Giá đất nông nghiệp (Đất trồng cây hàng năm khác) Vị trí 1 miền núi là: 32.000 đồng/m². Đơn giá hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là: 32.000 đồng x 3 lần = 96.000 đồng.

- Giá đất nông nghiệp (Đất trồng cây lâu năm) Vị trí 1 miền núi là: 32.000 đồng/m². Đơn giá hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là: 32.000 đồng x 3 lần = 96.000 đồng.

- Giá đất nông nghiệp (Đất trồng rừng sản xuất) Vị trí 1 miền núi là: 18.000 đồng/m². Đơn giá hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là: 32.000 đồng x 3,5 lần = 63.000 đồng.

PHẦN II

TỔNG MỨC CHI PHÍ HỖ TRỢ TRỰC TIẾP, KINH PHÍ PHỤC VỤ BỒI THƯỜNG, DỰ PHÒNG CHI.

Trên cơ sở số liệu đã kê kê và đơn giá bồi thường của từng loại tài sản, được UBND tỉnh qui định, Ban quản lý DA ĐTXD và Phát triển quỹ đất huyện Minh Long áp giá bồi thường cho từng loại tài sản, tổng hợp dự toán chi phí bồi thường, chi phí hỗ trợ và các chi phí thực hiện cụ thể như sau:

* Tổng hợp chung:

I. Tổng diện tích đất thu hồi là:	18133,9 m ²
- Diện tích thu hồi trong quy hoạch:	18007,0 m ²

- Diện tích ngoài quy hoạch thu hồi luôn:

126,9 m²

Trong đó:

1. Đất nông nghiệp: 16101,2 m²

Tổng số thửa đất được bồi thường hỗ trợ: 40 thửa

+ Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) VT1: 3919,8 m²

+ Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) VT1: 67 m²

+ Đất trồng cây lâu năm (CLN) VT1: 6299,3 m²

+ Đất trồng rừng sản xuất (RSX) VT1: 5303,5 m²

+ Đất trồng cây hàng năm khác (BHK) VT1: 511,6 m²

2. Tổng số hộ gia đình, cá nhân được bồi thường hỗ trợ: 11 hộ gia đình, cá nhân.

II/ Tổng kinh phí: 2.414.051.760 đồng

Làm Tròn : 2.414.052.000 đồng

(Bằng chữ: Hai tỷ bốn trăm mười bốn triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng)

Trong đó:

Phần 1. Chi phí bồi thường, hỗ trợ trực tiếp: 2.336.932.972 đồng

1. Bồi thường về đất : 1.811.689.100 đồng

2. Bồi thường về cây cối hoa màu: 503.868.872 đồng

3. Các khoản hỗ trợ: 21.375.000 đồng

Phần 2. Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ
(phần 1*3): 70.107.989 đồng

Phần 3. Chi phí cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất
(phần 2*10): 7.010.799 đồng

Phần 4. Nguồn vốn đầu tư: Vốn chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Phần 5. Thời gian thực hiện: Năm 2022-2023.

PHẦN III

TỔNG HỢP GIÁ TRỊ DỰ TOÁN CHO TỪNG CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT

A. Xác định mức bồi thường đất đai, tài sản gắn liền với đất và hỗ trợ cho từng chủ sử dụng đất :

(Như Biểu số 9, 10, 12, 13, 14 kèm theo phương án này).

PHẦN IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê được thẩm định và phê duyệt. Ban quản lý DA ĐTXD và phát triển quỹ đất huyện Minh Long phối hợp

Đơn vị lập phương án, BT GPMB: Ban quản lý DA ĐTXD và PTQĐ huyện Minh Long

cùng với các đơn vị ban ngành của UBND huyện Minh Long, UBND xã Long Môn tiến hành công khai phương án, vận động và giải thích cho các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức hiểu rõ về các chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng của Nhà nước và chuẩn bị nguồn vốn để chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức bị ảnh hưởng bởi công trình, đồng thời có kế hoạch đôn đốc việc thu hoạch cây cối, hoa màu và di dời tài sản có trên đất để giải phóng mặt bằng theo đúng kế hoạch.

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

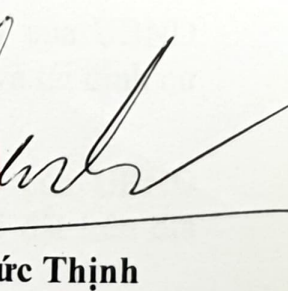
GIÁM ĐỐC



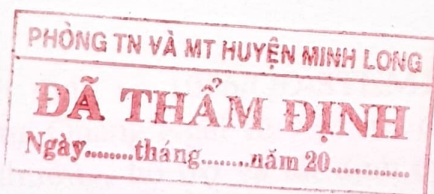
Đinh Văn Năm



Lê Thành Tâm



Nguyễn Đức Thịnh



Số: 05/TB-BQL

Minh Long, ngày 21 tháng 02 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ và GPMB xây dựng Công trình: Sân vận động xã Long Môn (GĐ1); Địa điểm: xã Long Môn, huyện Minh Long.

Căn cứ Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020-2024);

Căn cứ Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành đơn giá cây trồng, để thực hiện việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1056/QĐ-STNMT ngày 28/12/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ngãi về việc sửa đổi, bổ sung một số biểu mẫu để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 694/QĐ-STNMT ngày 02/11/2016 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của UBND huyện Minh Long về việc ban hành qui định từng vị trí đất nông nghiệp theo địa giới hành chính cấp xã để áp dụng trên địa bàn huyện minh Long cho thời kỳ 05 năm (2020-2024);

Căn cứ Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc phê duyệt báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê;

Căn cứ thông báo thu hồi đất số 19/TB-UBND đến số 64/TB-UBND ngày 31/01/2022 của UBND huyện Minh Long về việc thông báo thu hồi đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang quản lý sử dụng đất để xây dựng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê. Địa điểm: Xã Long Môn, huyện Minh Long;

Trên cơ sở số liệu kiểm kê tài sản được chủ hộ và UBND xã Long Môn, xác nhận; cơ chế chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hiện hành; Ban quản lý DA ĐTXD và Phát triển quỹ đất huyện Minh Long, thông báo niêm yết công khai phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ và GPMB, để người bị thu hồi đất và những đối tượng có liên quan tham gia ý kiến cụ thể như sau:

- 2
1. Tên phương án bồi thường: Phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ và GPMB công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê..
 2. Chủ đầu tư: UBND huyện Minh Long.
 3. Địa điểm niêm yết: Tại trụ sở UBND xã Long Môn; nhà văn hoá thôn Làng Trê, xã Long Hiệp
 4. Thời gian niêm yết: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 13/3/2023
 5. Nội dung niêm yết: Họ và tên, địa chỉ người có đất bị thu hồi; diện tích, loại đất; vị trí và tổng hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ.

(Có phương án bồi thường dự kiến kèm theo)

Trong quá trình niêm yết, Ban quản lý DA ĐTXD và phát triển quỹ đất huyện Minh Long có trách nhiệm tiếp nhận ý kiến đóng góp, đồng thời phối hợp với các cơ quan ban ngành, đoàn thể của huyện; UBND xã Long Môn giải đáp thắc mắc công khai sau ngày 27/02/2023 tại Nhà văn hoá thôn Làng Trê, xã Long Môn. Trên cơ sở ý kiến đóng góp, Ban quản lý DA ĐTXD và phát triển quỹ đất chỉnh sửa hoàn thiện lại phương án bồi thường, hỗ trợ, gửi phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định và trình UBND huyện Minh Long phê duyệt, khi phương án được phê duyệt Ban quản lý DA ĐTXD và phát triển quỹ đất huyện thông báo kết quả cho chủ hộ theo đúng quy định.

Nay xin thông báo để cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi và các đối tượng có liên quan biết để thực hiện./.

Nơi nhận:

- Chủ sử dụng đất;
- UBND xã Long Môn
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Thịnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**về việc niêm yết công khai phương án dự kiến bồi thường hỗ trợ
và giải phóng mặt bằng xây dựng Công trình:**

Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê.

Địa điểm xây dựng: Xã Long Môn, huyện Minh Long

Hôm nay vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 21/02/2023 tại trụ sở UBND xã Long Môn, chúng tôi gồm có:

I. Thành phần tham dự:

1. UBND xã Long Môn:

Ông: Đinh Văn Vinh

Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND

Ông: Đinh Văn Nghênh

Chức vụ: Chủ tịch UBMTTQVN

Ông: Hồ Quang Thanh

Chức vụ: Công chức Địa chính xã

**2. Cơ quan tổ chức lập Phương án bồi thường: Ban quản lý DA ĐTXD
và PTQĐ huyện Minh Long.**

Ông: Nguyễn Đức Thịnh

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Lê Thành Tâm

Chức vụ: Nhân viên

Ông: Đinh Văn Năm

Chức vụ: Nhân Viên

3. Đại diện những hộ gia đình có đất bị thu hồi:

Ông: Đinh Văn Đem; tuổi: 44; nghề nghiệp: Nông.

Thường trú: Thôn Làng Trê, xã Long Môn, huyện Minh Long.

Ông: Đinh Hồng Long; tuổi: 58; nghề nghiệp: Nông.

Thường trú: Thôn Làng Trê, xã Long Môn, huyện Minh Long.

II. Nội dung:

Tiến hành lập Biên bản niêm yết công khai phương án dự kiến bồi thường hỗ trợ và giải phóng mặt bằng xây dựng Công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê, cụ thể như sau:

1. Tên phương án bồi thường: Phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ và GPMB công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê.

2. Chủ đầu tư: UBND huyện Minh Long.

3. Địa điểm niêm yết công khai: Tại trụ sở UBND xã Long Môn; Nhà văn hoá thôn Làng Trê, xã Long Môn.

4. Nội dung niêm yết: Họ và tên, địa chỉ người có đất bị thu hồi; diện tích; loại đất; vị trí và tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ.

(có phương án bồi thường dự kiến kèm theo)

5. Thời gian niêm yết: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 13/3/2023

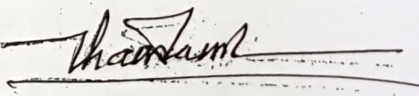
6. Thời gian tiếp nhận và giải đáp ý kiến thắc mắc của những hộ bị thu hồi đất: Từ ngày 27/02/2023 đến hết ngày 13/3/2023.

Trong quá trình niêm yết Ban quản lý DA ĐTXD và PTQĐ huyện Minh Long có trách nhiệm tiếp nhận ý kiến đóng góp, đồng thời phối hợp với các cơ quan ban ngành, đoàn thể của huyện; UBND xã Long Môn giải đáp thắc mắc bắt đầu từ ngày 27/02/2023 tại Nhà văn hóa thôn Làng Trê, xã Long Môn.

Ban quản lý DA ĐTXD và PTQĐ huyện Minh Long phối hợp UBND xã Long Môn; UBMTTQVN xã Long Môn và đại diện của hộ dân có đất thu hồi thống nhất lập Biên bản niêm yết công khai Phương án dự kiến bồi thường hỗ trợ và giải phóng mặt bằng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê.

Biên bản kết thúc vào lúc 10 giờ 00 phút cùng ngày, được thông qua các thành phần tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên./.

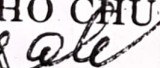
Người lập



Lê Thành Tâm

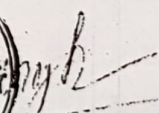
UBND XÃ LONG MÔN TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Đinh Văn Vinh

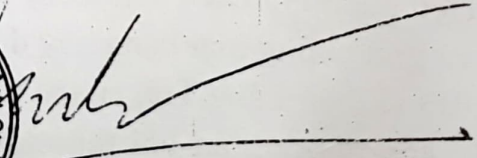
UBMTTQVN XÃ LONG MÔN



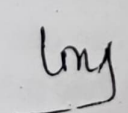
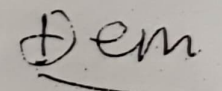

Đinh Mai Nguyên

BAN QLDA ĐTXD VÀ PTQĐ
GIÁM ĐỐC




Nguyễn Đức Thịnh

ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH CÓ ĐẤT BỊ THU HỒI


Đinh Hằng Long

Đem
Đinh Văn Đem

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KẾT THÚC NIÊM YẾT

**Về việc kết thúc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ
và GPMB Công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng
Trê. Địa điểm xây dựng: Xã Long Môn, huyện Minh Long**

Căn cứ Thông báo niêm yết số 05/TB-BQL, ngày 21 tháng 02 năm 2023 của BQL DAĐTĐ và PTQĐ về việc niêm yết công khai phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê.

Hôm nay, vào lúc 16 giờ 00 phút, ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại UBND xã Long Môn, chúng tôi tiến hành lập biên bản kết thúc niêm yết công khai phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê, với các thành phần tham dự:

I. UBND xã Long Môn:

Ông: Đinh Văn Vinh

Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND

Ông: Đinh Văn Ngênh

Chức vụ: Chủ tịch UBMTTQVN

Ông: Hồ Quang Thanh

Chức vụ: Công chức Địa chính xã

**II. Cơ quan tổ chức lập Phương án bồi thường: Ban quản lý DA ĐTXD
và PTQĐ huyện Minh Long.**

Ông: Nguyễn Đức Thịnh

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Lê Thành Tâm

Chức vụ: Nhân viên

Ông: Đinh Văn Năm

Chức vụ: Nhân Viên

III. Đại diện những hộ gia đình có đất bị thu hồi:

Ông: Đinh Văn Đem; tuổi: 44; nghề nghiệp: Nông.

Thường trú: Thôn Làng Trê, xã Long Môn, huyện Minh Long.

Ông: Đinh Hồng Long; tuổi: 58; nghề nghiệp: Nông.

Thường trú: Thôn Làng Trê, xã Long Môn, huyện Minh Long.

IV. Nội dung:

Nay thống nhất lập biên bản kết thúc niêm yết công khai phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng Công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê để làm cơ sở trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

Trong thời gian niêm yết và tiếp nhận ý kiến đóng góp từ ngày 21/02/2023, Ban quản lý DA ĐTXD và PTQĐ huyện Minh Long và UBND xã Long Môn không nhận được ý kiến thắc mắc liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê.

Để công tác bồi thường giải phóng mặt bằng được kịp thời, đúng tiến độ có cơ sở pháp lý cho việc lập và thẩm định phương án bồi thường trình UBND huyện

phê duyệt. Ban quản lý DA ĐTXD và PTQĐ huyện Minh Long; UBND xã Long Môn thống nhất lập biên bản kết thúc niêm yết công khai phương án bồi thường dự kiến nhằm triển khai xây dựng công trình đảm bảo tiến độ.

Biên bản kết thúc lúc 17 giờ 00 phút, cùng ngày và được đọc lại cho các thành phần tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên./.

Người lập

Thanh Tâm

Lê Thành Tâm

KT. CHỦ TỊCH
UBND XÃ LONG MÔN



Dinh Văn Vinh

UBMTTQVN XÃ LONG MÔN



Dinh Văn Vinh

BAN QLDA ĐTXD VÀ PTQĐ
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Thịnh

ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH CÓ ĐẤT BỊ THU HỒI

Long
Đinh Hồng Long *Đinh Văn Đem*

phê duyệt. Ban quản lý DA ĐTXD và PTQĐ huyện Minh Long; UBND xã Long Môn thống nhất lập biên bản kết thúc niêm yết công khai phương án bồi thường dự kiến nhằm triển khai xây dựng công trình đảm bảo tiến độ.

Biên bản kết thúc lúc 17 giờ 00 phút, cùng ngày và được đọc lại cho các thành phần tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên./.

Người lập

Lê Thành Tâm

Lê Thành Tâm

KT. CHỦ TỊCH
UBND XÃ LONG MÔN



Dinh Văn Vinh

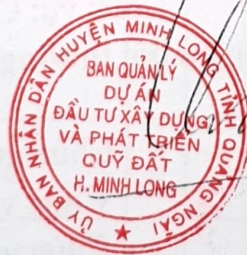
UBMTTQVN XÃ LONG MÔN



Dinh Văn Vinh

BAN QLDA ĐTXD VÀ PTQĐ

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Thịnh

ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH CÓ ĐẤT BỊ THU HỒI

Long

Đem

Dinh Hồng Long Dinh Văn Dem

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KẾT THÚC NIÊM YẾT

**Về việc kết thúc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ
và GPMB Công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng
Trê. Địa điểm xây dựng: Xã Long Môn, huyện Minh Long**

Căn cứ Thông báo niêm yết số 05/TB-BQL, ngày 21 tháng 02 năm 2023 của BQL DAĐTĐ và PTQĐ về việc niêm yết công khai phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê.

Hôm nay, vào lúc 16 giờ 00 phút, ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại UBND xã Long Môn, chúng tôi tiến hành lập biên bản kết thúc niêm yết công khai phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê, với các thành phần tham dự:

I. UBND xã Long Môn:

Ông: Đinh Văn Vinh

Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND

Ông: Đinh Văn Ngênh

Chức vụ: Chủ tịch UBMTTQVN

Ông: Hồ Quang Thanh

Chức vụ: Công chức Địa chính xã

II. Cơ quan tổ chức lập Phương án bồi thường: Ban quản lý DA ĐTXD và PTQĐ huyện Minh Long.

Ông: Nguyễn Đức Thịnh

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Lê Thành Tâm

Chức vụ: Nhân viên

Ông: Đinh Văn Năm

Chức vụ: Nhân Viên

III. Đại diện những hộ gia đình có đất bị thu hồi:

Ông: Đinh Văn Đem; tuổi: 44; nghề nghiệp: Nông.

Thường trú: Thôn Làng Trê, xã Long Môn, huyện Minh Long.

Ông: Đinh Hồng Long; tuổi: 58; nghề nghiệp: Nông.

Thường trú: Thôn Làng Trê, xã Long Môn, huyện Minh Long.

IV. Nội dung:

Nay thống nhất lập biên bản kết thúc niêm yết công khai phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng Công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê để làm cơ sở trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

Trong thời gian niêm yết và tiếp nhận ý kiến đóng góp từ ngày 21/02/2023, Ban quản lý DA ĐTXD và PTQĐ huyện Minh Long và UBND xã Long Môn không nhận được ý kiến thắc mắc liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê.

Để công tác bồi thường giải phóng mặt bằng được kịp thời, đúng tiến độ có cơ sở pháp lý cho việc lập và thẩm định phương án bồi thường trình UBND huyện

TT		Họ và tên chủ sử dụng đất		Thông tin, số liệu bản đồ địa chính khu đất						Thông tin, số liệu theo kiểm kê thực tế được UBND xã Long Môn xác nhận						Mục đích sử dụng đất		Vị trí, khu vực			
				Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m2)				Loại đất	Diện tích thu hồi (m2)			Diện tích bồi thường, hỗ trợ (m2)							
						Diện tích tổng thửa	Phần trong QH	DT Quy hoạch nằm trong QH hành lang ATGT	Phần ngoài QH		Trong QH	Ngoài QH	Tổng cộng	Diện tích đất ở/đất SXKD						Diện tích đất nông nghiệp	
														Bồi thường đất ở	Hỗ trợ như đất ở					Bồi thường và hỗ trợ	Hỗ trợ bằng giá đất
1	Đinh Thị Xấy	4	96	30,3	0,8			29,5	LUC	0,8	0,0	0,8			0,8				LUC	VTI	
		4	97	162,3	90,7			71,6	LUC	90,7	16,8	107,5			107,5				LUC	VTI	
		4	113	148,6	117,6			31,0	LUC	117,6	31,0	148,6			148,6				LUC	VTI	
		4	111	135,6	135,6			0,0	LUC	135,6	0,0	135,6			135,6				LUC	VTI	
		4	100	109,7	42,9			66,8	LUC	42,9	0,0	42,9			42,9				LUC	VTI	
		4	107	71,0	71,0			0,0	LUC	71,0	0,0	71,0			71,0				LUC	VTI	
2	Đinh Văn Lạc	4	114	445,6	191,3	1,5		252,8	LUC	192,8	0,0	192,8			192,8				LUC	VTI	
		4	112	79,6	79,6			0,0	LUC	79,6	0,0	79,6			79,6				LUC	VTI	
		4	110	97,7	97,7			0,0	LUC	97,7	0,0	97,7			97,7				LUC	VTI	
		4	109	38,5	38,5			0,0	LUC	38,5	0,0	38,5			38,5				LUC	VTI	
		4	128	27,1	27,1			0,0	LUC	27,1	0,0	27,1			27,1				LUC	VTI	
		4	126	87,1	87,1			0,0	LUC	87,1	0,0	87,1			87,1				LUC	VTI	
		4	125	346,4	346,4			0,0	LUC	346,4	0,0	346,4			346,4				LUC	VTI	

		4	127	65,1	65,1		0,0	LUC	65,1	0,0	65,1	65,1			LUC	VTI
		3	38	69,1	57,2		11,9	BHK	57,2	11,9	69,1	69,1			BHK	VTI
		3	46	399,9	114,6		285,3	LUC	114,6	0,0	114,6	114,6			LUC	VTI
		3	61	190,4	0,2	1,7	188,5	LUK	1,9	0,0	1,9	1,9			LUK	VTI
		4	106	115,4	39,4		76,0	LUC	39,4	0,0	39,4	39,4			LUC	VTI
		4	105	87,2	87,2		0,0	BHK	87,2	0,0	87,2	87,2			BHK	VTI
		4	104	66,1	66,1		0,0	BHK	66,1	0,0	66,1	66,1			BHK	VTI
		4	108	61,1	61,1		0,0	BHK	61,1	0,0	61,1	61,1			BHK	VTI
3	Đinh Văn Lô	3	21	338,4	146,4		192,0	BHK	146,4	0,0	146,4	146,4			BHK	VTI
		3	20	55,8	51,1		4,7	BHK	51,1	4,7	55,8	55,8			BHK	VTI
		3	19	25,9	25,9		0,0	BHK	25,9	0,0	25,9	25,9			BHK	VTI
		4	180	1765,3	379,5	1297,6	88,2	CLN	1677,1	0,0	1677,1	1677,1			CLN	VTI
4	Đinh Thị Ba	3	81	356,2	1,0	347,3	7,9	CLN	348,3	7,9	356,2	356,2			CLN	VTI
5	Đinh Văn Hách	3	80	1078,9		476,5	602,4	CLN	476,5	0,0	476,5	476,5			CLN	VTI
6	Đinh Văn Bồi	3	40	826,1	754,2	71,9	0,0	LUC	826,1	0,0	826,1	826,1			LUC	VTI
7	Đinh VănDEM	3	41	767,7	710,1	57,6	0,0	LUC	767,7	0,0	767,7	767,7			LUC	VTI
8	Đinh Trưa	5	925	1080,5	115,1		965,4	CLN	115,1	0,0	115,1	115,1			CLN	VTI
9	Đinh Văn Tân	3	36	103,3	48,7		54,6	LUC	48,7	54,6	103,3	103,3			LUC	VTI
		3	37	23,3	23,3		0,0	LUC	23,3	0,0	23,3	23,3			LUC	VTI
		3	42	13,3	13,3		0,0	LUC	13,3	0,0	13,3	13,3			LUC	VTI
10	Đinh Minh Dũng	3	44	218,8	218,8		0,0	LUC	218,8	0,0	218,8	218,8			LUC	VTI
		3	43	185,2	185,2		0,0	LUC	185,2	0,0	185,2	185,2			LUC	VTI
		3	45	233,5	233,5		0,0	LUC	233,5	0,0	233,5	233,5			LUC	VTI

		5	300	3320,8	1978,0	280,7	1062,1	CLN	2258,7	0,0	2258,7			2258,7	CLN	VT1
		5	316	8362,4	5192,0	111,5	3058,9	RSX	5303,5	0,0	5303,5			5303,5	RSX	VT1
11	Đình Hồng Long	5	307	1617,4	1415,7		201,7	CLN	1415,7	0,0	1415,7			1415,7	CLN	VT1
		10	17	151,8	19,0		132,8	LUC	19,0	0,0	19,0			19,0	LUC	VT1
I	Tổng cộng diện tích hộ gia đình, cá nhân			23358,4	13328,0	2646,3	7384,1		15974,3	126,9	16101,2			16101,2		
1	Trạm Y Tế xã Long Môn	10	129	262,0	0,9		261,1	DYT	0,9	0,0	0,9				DYT	VT1
		4	181	360,4	292,4	40,0	28,0	SON	332,4	0,0	332,4				SON	VT1
		4	182	1244,4	61,7		1182,7	DGT	61,7	0,0	61,7				DGT	VT1
2	UBND xã Long Môn	3	39	46,9	46,9		0,0	BCS	46,9	0,0	46,9				BCS	VT1
		3	82	1207,2	935,4	126,5	145,3	SON	1061,9	0,0	1061,9				SON	VT1
		3	83	1866,1	528,9		1337,2	DGT	528,9	0,0	528,9				DGT	VT1
II	Tổng diện tích đất tổ chức			4987,0	1866,2	166,5	2954,3		2032,7	0,0	2032,7					
	Tổng cộng (I+II)			28345,4	15194,2	2812,8	10338,4		18007,0	126,9	18133,9					

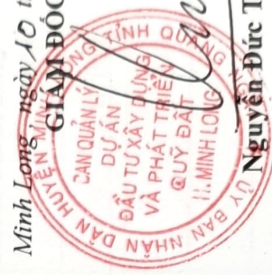
NGƯỜI LẬP

Lê Thành Tâm

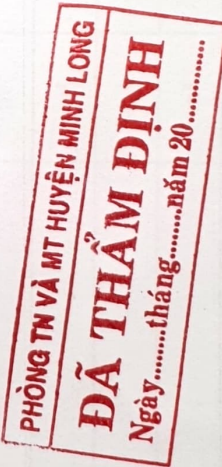
Lê Thành Tâm

Minh Long, ngày 10 tháng 02 năm 2023

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Thịnh



**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, CHI PHÍ PHỤC VỤ BỒI THƯỜNG, CHI PHÍ THẨM ĐỊNH
CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN BỎ TRÍ ÔN ĐỊNH DÂN CƯ VÙNG ĐBKK THÔN LÀNG TRỀ.**

ĐỊA ĐIỂM: XÃ LONG MÔN, HUYỆN MINH LONG, TỈNH QUẢNG NGÃI

Phần I : Mức bồi thường, hỗ trợ:

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Tỷ lệ Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=4*5*6
A	ĐẤT ĐAI	m ²	16101,2			<u>1.811.689.100</u>
A1	Bồi thường về đất (I+II)	m ²	16101,2			440.989.400
I	Đất ở					0
II	Đất sản xuất nông nghiệp, đất vườn (1+2)	m ²	16101,2			440.989.400
1	Đất sản xuất nông nghiệp	m ²	16101,2			440.989.400
1.1	Đất chuyên trồng lúa vị trí 1	m ²	3919,8	100%	32.000	125.433.600
1.2	Đất trồng lúa nước còn lại vị trí 1	m ²	67	100%	32.000	2.144.000
1.3	Đất trồng cây lâu năm vị trí 1	m ²	6299,3	100%	32.000	201.577.600
1.4	Đất trồng rừng sản xuất, vị trí 1	m ²	5303,5	100%	18.000	95.463.000
1.5	Đất bằng trồng cây hàng năm khác, vị trí 1	m ²	511,6	100%	32.000	16.371.200
A2	Hỗ trợ về đất	m ²	16101,2			1.370.699.700
I	Hỗ trợ đất sản xuất nông nghiệp	m ²	16101,2			1.370.699.700
1.1	Đất chuyên trồng lúa vị trí 1	m ²	3919,8	300%	32.000	376.300.800
1.2	Đất trồng lúa nước còn lại vị trí 1	m ²	67	300%	32.000	6.432.000
1.3	Đất trồng cây lâu năm vị trí 1	m ²	6299,3	300%	32.000	604.732.800
1.4	Đất trồng rừng sản xuất, vị trí 1	m ²	5303,5	350%	18.000	334.120.500
1.5	Đất bằng trồng cây hàng năm khác, vị trí 1	m ²	511,6	300%	32.000	49.113.600

NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC									
I	Công trình phục vụ đời sống, sản xuất								0
C	CÂY CỎI, HOA MÀU								503.868.872
1	Cây lúa	m ²	3986,8	100%		3.040			12.119.872
2	Keo Cây có đường kính gốc $\geq 4\text{cm}$ đến $< 8\text{cm}$	Cây	599	100%		65.000			38.935.000
3	Chè Cây có đường kính gốc $< 5\text{cm}$	Cây	577	100%		30.000			17.310.000
4	Keo, Cây có ĐK gốc $< 2\text{cm}$	cây	191	100%		24.000			4.584.000
5	Keo, Cây có đường kính gốc $> 8\text{cm}$ đến $< 12\text{cm}$	Cây	3591	100%		120.000			430.920.000
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ								21.375.000
1	Hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 01 tháng (đơn giá bằng 30kg gạo x 12500 đồng x 1 tháng/khẩu)	Khẩu	33	100%		375.000			12.375.000
2	Hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 06 tháng (đơn giá bằng 30kg gạo x 12500 đồng x 06 tháng/khẩu)	Khẩu	4	100%		2.250.000			9.000.000
	Tổng cộng Phần I = (A+B+C+D)								2.336.932.972

70.107.989 đồng

7.010.799 đồng

2.414.051.760 đồng

2.414.052.000 đồng

Phần II : Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (Phần I x 3%)

Phần III : Tổ chức thực hiện chương chế kiểm điểm và cường chế thu hồi đất (phần II*10%):

* Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (Phần I + Phần II + Phần III):

Làm Tròn:

Bảng chữ: Hai tỷ bốn trăm mười bốn triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng

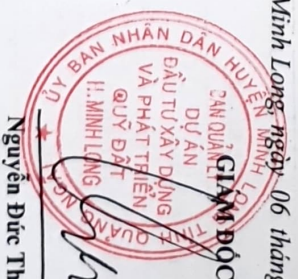
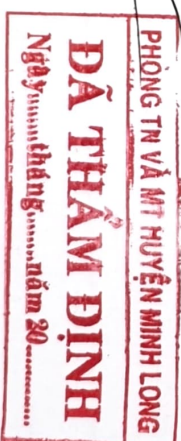
Minh Long, ngày 06 tháng 4 năm 2023

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

Đinh Văn Năm

Lê Thành Tâm



Nguyễn Đức Thịnh

BẢNG TÍNH CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỒ TRỢ VỆ ĐẤT CỦA TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN
CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN BỐ TRÍ ÔN ĐỊNH DÂN CƯ VÙNG ĐBK THÔN LÀNG TRỀ.
ĐỊA ĐIỂM: XÃ LONG MÔN, HUYỆN MINH LONG, TỈNH QUẢNG NGÃI

ST T	Họ và tên chủ hộ	Bản đồ địa chính				Bản đồ địa chính khu đất				Diện tích đất trong quy hoạch	Diện tích đất bồi thường	Loại đất	Bồi thường đất ở						Bồi thường đất nông nghiệp					Hỗ trợ diện tích đất chuyển đổi nghề nghiệp				Tổng cộng (đồng)
		Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m2)	Diện tích thu hồi luôn	Diện tích hỗ trợ như đất ở				Khu vực/Vị trí	Đơn giá	Mức bồi thường (%)	Thành tiền	Diện tích	Đơn giá	Mức hỗ trợ	Thành tiền	Diện tích	Đơn giá	Mức hỗ trợ	Thành tiền				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	100	17=(13+14)*16	18	19	100	20=18*19	21	22	3	23=21*22	24=17+20+23		
1	Đinh Thị Xấy									506,4								506,4				16.204.800	506,4			64.819.200		
		4	96	30,3	01	96	30,3	0,8	-	0,8	LUC							0,8	32.000	100%	25.600	0,8	32.000	300%	76.800	102.400		
		4	97	162,3	01	97	162,3	90,7	16,8	107,5	LUC							107,5	32.000	100%	3.440.000	107,5	32.000	300%	10.320.000	13.760.000		
		4	113	148,6	01	113	148,6	117,6	19,6	148,6	LUC							148,6	32.000	100%	4.755.200	148,6	32.000	300%	14.265.600	19.020.800		
		4	111	135,6	01	111	135,6	135,6	-	135,6	LUC							135,6	32.000	100%	4.339.200	135,6	32.000	300%	13.017.600	17.356.800		
		4	100	109,7	01	100	109,7	42,9	-	42,9	LUC							42,9	32.000	100%	1.372.800	42,9	32.000	300%	4.118.400	5.491.200		
		4	107	71,0	01	107	71	71,0	-	71,0	LUC							71,0	32.000	100%	2.272.000	71,0	32.000	300%	6.816.000	9.088.000		
2	Đinh Văn Lạc (Đinh Thị Xăng)									1.119,9								1.119,9				35.836.800	1.119,9		107.510.400	143.347.200		
		4	114	445,6	01	114	445,6	192,8	-	192,8	LUC							192,8	32.000	100%	6.169.600	192,8	32.000	300%	18.508.800	24.678.400		
		4	112	79,6	01	112	79,6	79,6	-	79,6	LUC							79,6	32.000	100%	2.547.200	79,6	32.000	300%	7.641.600	10.188.800		
		4	110	97,7	01	110	97,7	97,7	-	97,7	LUC							97,7	32.000	100%	3.126.400	97,7	32.000	300%	9.379.200	12.505.600		
		4	109	38,5	01	109	38,5	38,5	-	38,5	LUC							38,5	32.000	100%	1.232.000	38,5	32.000	300%	3.696.000	4.928.000		
		4	128	27,1	01	128	27,1	27,1	-	27,1	LUC							27,1	32.000	100%	867.200	27,1	32.000	300%	2.601.600	3.468.800		
		4	126	87,1	01	126	87,1	87,1	-	87,1	LUC							87,1	32.000	100%	2.787.200	87,1	32.000	300%	8.361.600	11.148.800		
		4	125	346,4	01	125	346,4	346,4	-	346,4	LUC							346,4	32.000	100%	11.084.800	346,4	32.000	300%	33.254.400	44.339.200		
		4	127	65,1	01	127	65,1	65,1	-	65,1	LUK							65,1	32.000	100%	2.083.200	65,1	32.000	300%	6.249.600	8.332.800		
		3	38	69,1	01	38	69,1	57,2	11,9	69,1	BHK							69,1	32.000	100%	2.211.200	69,1	32.000	300%	6.633.600	8.844.800		
		3	46	399,9	01	46	399,9	114,6	-	114,6	LUC							114,6	32.000	100%	3.667.200	114,6	32.000	300%	11.001.600	14.668.800		
		3	61	190,4	01	61	190,4	1,9	-	1,9	LUK							1,9	32.000	100%	60.800	1,9	32.000	300%	182.400	243.200		
3	Đinh Văn L6									481,9								481,9				15.420.800	481,9		46.262.400	61.683.200		
		4	106	115,4	01	106	115,4	39,4	-	39,4	LUC							39,4	32.000	100%	1.260.800	39,4	32.000	300%	3.782.400	5.043.200		

	4	105	87,2	01	105	87,2	87,2	-	87,2	BHK									87,2	32.000	100%	2.790.400	87,2	66,1	32.000	100%	2.115.200	66,1	32.000	300%	6.345.600	8.460,1
	4	104	66,1	01	104	66,1	66,1	-	66,1	BHK									66,1	32.000	100%	1.955.200	61,1	32.000	100%	1.955.200	61,1	32.000	300%	5.865.600	7.820	
	4	108	61,1	01	108	61,1	61,1	-	61,1	BHK									146,4	32.000	100%	4.684.800	146,4	32.000	100%	1.785.600	55,8	32.000	300%	5.356.800	7.142	
	3	21	338,4	01	21	338,4	146,4	-	146,4	BHK									25,9	32.000	100%	828.800	25,9	32.000	100%	828.800	25,9	32.000	300%	2.486.400	3.315	
	3	20	55,8	01	20	55,8	51,1	4,7	55,8	BHK									167,1	32.000	100%	53.667.200	167,1	32.000	100%	53.667.200	167,1	32.000	300%	161.001.600	214.668,4	
	3	19	25,9	01	19	25,9	25,9	-	25,9	BHK									1677,1	32.000	100%	53.667.200	1677,1	32.000	100%	53.667.200	1677,1	32.000	300%	161.001.600	214.668,4	
Đinh Thị Ba	4	180	1765,3	01	180,00	1765,30	1677,10	-	1677,1	CLN									1677,1	32.000	100%	53.667.200	1677,1	32.000	100%	53.667.200	1677,1	32.000	300%	161.001.600	214.668,4	
Đinh Văn Hách	3	81	356,2	01	81,00	356,2	348,30	7,9	356,2	CLN									356,2	32.000	100%	11.398.400	356,2	32.000	100%	11.398.400	356,2	32.000	300%	34.195.200	45.593,60	
Đinh Văn Bết									476,5										476,5			15.248.000	476,5							45.744.000	60.992.000	
Đinh Văn Tân	3	80	1078,9	01	80	1078,9	476,50	-	476,5	CLN									476,5	32.000	100%	15.248.000	476,5	32.000	100%	15.248.000	476,5	32.000	300%	45.744.000	60.992.000	
Đinh Văn Tân									115,1										115,1			3.683.200	115,1							11.049.600	14.732.800	
Đinh Minh Dung	5	925	1080,5	01	925,0	1080,5	115,10	-	115,1	CLN									115,1	32.000	100%	3.683.200	115,1	32.000	100%	3.683.200	115,1	32.000	300%	11.049.600	14.732.800	
Đinh Minh Dung									3036,1										3036,1			97.155.200	3036,1							291.465.600	388.620.800	
	3	36	103,3	01	36	103,3	48,7	54,6	103,3	LUC									103,3	32.000	100%	3.305.600	103,3	32.000	100%	3.305.600	103,3	32.000	300%	9.916.800	13.222.400	
	3	37	23,3	01	37	23,3	23,3	-	23,3	LUC									23,3	32.000	100%	745.600	23,3	32.000	100%	745.600	23,3	32.000	300%	2.236.800	2.982.400	
	3	42	13,3	01	42	13,3	13,3	-	13,3	LUC									13,3	32.000	100%	425.600	13,3	32.000	100%	425.600	13,3	32.000	300%	1.276.800	1.702.400	
	3	44	218,8	01	44	218,8	218,8	-	218,8	LUC									218,8	32.000	100%	7.001.600	218,8	32.000	100%	7.001.600	218,8	32.000	300%	21.004.800	28.006.400	
	3	43	185,2	01	43	185,2	185,2	-	185,2	LUC									185,2	32.000	100%	5.926.400	185,2	32.000	100%	5.926.400	185,2	32.000	300%	17.779.200	23.705.600	
	3	45	233,5	01	45	233,5	233,5	-	233,5	LUC									233,5	32.000	100%	7.472.000	233,5	32.000	100%	7.472.000	233,5	32.000	300%	22.416.000	29.888.000	
	5	300	3320,8	01	300	3320,8	2258,7	-	2258,7	CLN									2258,7	32.000	100%	72.278.400	2258,7	32.000	100%	72.278.400	2258,7	32.000	300%	216.835.200	289.113.600	
Đinh Hồng Long									6738,2										6738,2			141.373.400	6738,2							471.851.700	613.225.100	
	5	316	8362,4	01	316	8362,4	5303,5	-	5303,5	RSX									5303,5	18.000	100%	95.463.000	5303,5	18.000	100%	95.463.000	5303,5	18.000	350%	334.120.500	429.583.500	
	5	307	1617,4	01	307	1617,4	1415,7	-	1415,7	CLN									1415,7	32.000	100%	45.302.400	1415,7	32.000	100%	45.302.400	1415,7	32.000	300%	135.907.200	181.209.600	
	10	17	151,8	01	17	151,8	19,0	-	19,0	LUC									19,0	32.000	100%	608.000	19,0	32.000	100%	608.000	19,0	32.000	300%	1.824.000	2.432.000	
Đinh Văn Đem	3	40	826,1	01	40	826,1	826,1	-	826,1	LUC									826,1	32.000	100%	26.435.200	826,1	32.000	100%	26.435.200	826,1	32.000	300%	79.305.600	105.740.800	

BẢNG TÍNH CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CÂY CÓ HOA MÀU CỦA TỪNG TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN
CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN BỐ TRÍ ÔN ĐỊNH DÂN CƯ VÙNG ĐBKĐ THÔN LÀNG TRỀ.
ĐỊA ĐIỂM: XÃ LONG MÔN, HUYỆN MINH LONG, TỈNH QUẢNG NGÃI

Số lượng theo thực tế kiểm kê													
STT	Họ và tên	Chủng loại, quy cách cây trồng	Đơn vị tính	Số lượng	Số thửa	Tờ bản đồ	Bồi thường			Hỗ trợ cây giống			Tổng cộng
							Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	
1	Đình Thị Xấy									1.539.456			1.539.456
		Cây lúa	m ²	506,4	96; 97; 113; 111; 100; 107	4	506,4	3.040		1.539.456			1.539.456
2	Đình Văn Lạc									3.194.432			3.194.432
		Cây lúa	m ²	1050,8	114; 112; 110; 109; 128; 126; 125; 46; 61	3+4	1.050,8	3.040		3.194.432			3.194.432
3	Đình Văn Ló									119.776			119.776
		Cây lúa	m ²	39,4	106	4	39,4	3.040		119.776			119.776
4	Đình Thị Ba									38.925.000			38.925.000
		Keo Cây có đường kính gốc ≥ 4cm đến < 8cm	Cây	537	180		537,0	65.000		34.905.000			34.905.000
		Chè Cây có đường kính gốc < 5cm	Cây	134	180		134,0	30.000		4.020.000			4.020.000
5	Đình Văn Hách									1.040.000			1.040.000
		Keo Cây có đường kính gốc ≥ 4cm đến < 8cm	Cây	16	81	3	16,0	65.000		1.040.000			1.040.000
6	Đình Văn Bối									4.584.000			4.584.000
		Keo, Cây có ĐK gốc <2cm	cây	191	80	3	191,0	24.000		4.584.000			4.584.000
7	Đình Văn Tân									2.990.000			2.990.000
		Keo Cây có đường kính gốc ≥ 4cm đến < 8cm	Cây	46	925	5	46,0	65.000		2.990.000			2.990.000
8	Đình Minh Dũng									110.723.296			110.723.296

	Cây lũa	m ²	777,4 43; 44, 45	300	5	777,4 903,0	3.040	2.363.296				2.363.296
	Kèo, Cây có đường kính gốc > 8cm đến < 12cm	Cây	903	300	5	903,0	120.000	108.360.000				108.360.000
9	Đình Hồng Long							335.907.760				335.907.760
	Kèo Cây có đường kính gốc > 8cm đến < 12cm	Cây	2688	316; 307	5	2.688,0	120.000	322.560.000				322.560.000
	Chè Cây có đường kính gốc < 5cm	Cây	443	316	5	443,0	30.000	13.290.000				13.290.000
	Cây lũa	m ²	19	17	10	19,0	3.040	57.760				57.760
10	Đình Văn Đem					826,1		2.511.344				2.511.344
	Cây lũa	m ²	826,1	40	3	826,1	3.040	2.511.344				2.511.344
11	Đình Trưa					767,7		2.333.808				2.333.808
	Cây lũa	m ²	767,7	41	3	767,7	3.040	2.333.808				2.333.808
Tổng cộng								503.868.872	0	0	0	503.868.872

Người lập

[Signature]

Đình Văn Năm

Người kiểm tra

[Signature]

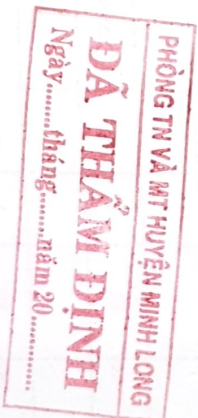
Lê Thành Tâm

Minh Long, ngày tháng năm 2023

Minh Long, ngày tháng năm 2023



Nguyễn Đức Thịnh

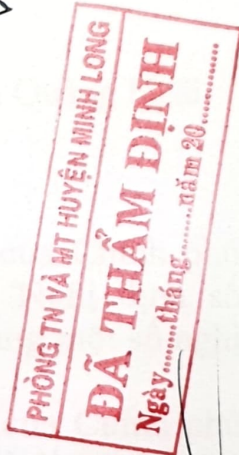


**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ
CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN BỐ TRÍ ỒN ĐỊNH DÂN CƯ VÙNG ĐBK THÔN LÃNG TRỀ
ĐỊA ĐIỂM: XÃ LONG MÔN, HUYỆN MINH LONG, TỈNH QUẢNG NGÃI**

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên Chủ hộ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ					Tổng cộng (đồng)
		Đất	Nhà, công trình phục vụ đời sống, sản xuất và công trình khác bị giải toả	Mô mã	Cây cối, hoa màu	Các khoản hỗ trợ	
1	2	3	4	5	6	7	8=3+4+5+6+7
1	Đinh Hồng Long	613.225.100	0	0	335.907.760	1.125.000	950.257.860
2	Đinh Thị Xấy	64.819.200	0	0	1.539.456	375.000	66.733.656
3	Đinh Văn Lạc (vợ Đinh Thị Xăng)	143.347.200	0	0	3.194.432	750.000	147.291.632
4	Đinh Văn Ló	61.683.200	0	0	119.776	1.125.000	62.927.976
5	Đinh Văn Hách	45.593.600	0	0	1.040.000	1.500.000	48.133.600
6	Đinh Văn Đem	105.740.800	0	0	2.511.344	1.500.000	109.752.144
7	Đinh Trua	98.265.600	0	0	2.333.808	2.250.000	102.849.408
8	Đinh Văn Tân	14.732.800	0	0	2.990.000	1.125.000	18.847.800
9	Đinh Minh Dũng	388.620.800	0	0	110.723.296	1.125.000	500.469.096
10	Đinh Thị Ba	214.668.800	0	0	38.925.000	1.500.000	255.093.800
11	Đinh Văn Bối	60.992.000	0	0	4.584.000	9.000.000	74.576.000
	Tổng cộng	1.811.689.100	-	-	503.868.872	21.375.000	2.336.932.972

Minh Long, ngày 06 tháng 4 năm 2023



Người lập

[Signature]

Đinh Văn Năm

Người kiểm tra

[Signature]

Lê Thành Tâm



Nguyễn Đức Thịnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH LONG**

Số: 131/UBND-KTTH

Về việc thống nhất công nhận hiện trạng sử dụng đất, loại đất, diện tích, chủ sử dụng đất đối với thửa đất chưa có giấy tờ về quyền sử dụng đất để làm cơ sở áp giá bồi thường và thẩm định bản đồ thực hiện công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê; Địa điểm: xã Long Môn, huyện Minh Long.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Minh Long, ngày 20 tháng 02 năm 2023

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về bản đồ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Minh Long;

Căn cứ Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc phê duyệt báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 10 /TTr-TNMT ngày 10/02/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Minh Long về việc công nhận hiện trạng sử dụng đất, loại đất, diện tích, chủ sử dụng đất đối với phần đất chưa được công nhận về quyền sử dụng đất để làm cơ sở áp giá bồi thường và thẩm định bản đồ

thực hiện công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê;
Địa điểm: Xã Long Môn, huyện Minh Long;

UBND huyện Minh Long thống nhất công nhận hiện trạng sử dụng đất, loại đất, diện tích, chủ sử dụng đất đối với phần đất chưa được công nhận về quyền sử dụng đất, để làm cơ sở cho việc áp giá bồi thường và thẩm định bản đồ, phục vụ công tác phê duyệt phương án bồi thường, thu hồi đất, giao đất công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê; Địa điểm: Xã Long Môn, huyện Minh Long, cụ thể như sau:

- Tổng diện tích đề nghị công nhận: 4901,7 m² (Bốn nghìn chín trăm lẻ một phẩy bảy mét vuông).

- Loại đất đề nghị công nhận:

+ Đất chuyên trồng lúa nước (LUC): 30,3 m²

+ Đất trồng cây lâu năm (CLN): 4871,4m²

- Tổng số hộ gia đình, cá nhân: 05 hộ.

- Tổng số thửa đất: 05 thửa.

(Kèm theo danh sách chi tiết diện tích, loại đất, chủ sử dụng đất)

Kính trình Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh quan tâm xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng TN&MT;
- UBND xã Long Môn;
- BQL các DADTXD&PTQĐ;
- VP ĐKĐĐ tỉnh QN-CN huyện Minh Long;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Thị Xuân Hương



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÔNG TÁC MIỀN TRĂNG SỬ DỤNG ĐẤT, LOẠI ĐẤT, DIỆN TÍCH, CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT
CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN BÓ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ VÙNG ĐBK K THÔN LÀNG TRÈ**

Địa điểm: Xã Long Môn, huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi.

(Kèm theo Công văn số 434 /UBND-KTTH ngày 20 /2/2023 của UBND huyện Minh Long)

STT	Tên chủ sử dụng đất	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích thửa	Diện tích Quy hoạch	Loại đất	Nguồn gốc	Tình trạng Tranh chấp	Địa chỉ thửa đất
1	Đình Thị Xáy	96	4	30,3	0,8	LUC	Đất do bà Đình Thị Xáy khai hoang năm 1980, sử dụng ổn định từ đó đến nay không tranh chấp.	Sử dụng ổn định, không tranh chấp, lấn chiếm	Thôn Làng Trê, Long Môn
2	Đình Thị Ba	180	4	1765,3	1677,1	CLN	Đất do cha mẹ bà Ba khai hoang năm 1980, đến năm 2005 cho con là Đình Thị Ba sử dụng ổn định từ đó đến nay không tranh chấp	Sử dụng ổn định, không tranh chấp, lấn chiếm	Thôn Làng Trê, Long Môn
3	Đình Văn Hách	81	3	356,2	348,3	CLN	Đất do cha mẹ ông Hách khai hoang năm 1980, đến năm 2007 cho con là Đình Văn Hách sử dụng ổn định từ đó đến nay không tranh chấp	Sử dụng ổn định, không tranh chấp, lấn chiếm	Thôn Làng Trê, Long Môn

4	Đinh Văn Bối	80	3	1078,9	476,5	CLN	Đất do cha mẹ ông Bối khai hoang năm 1980, đến năm 2000 cho con là Đinh Văn Bối sử dụng ổn định từ đó đến nay không tranh chấp	Sử dụng ổn định, không tranh chấp, lần chiếm	Thôn Làng Tré, Long Môn
5	Đinh Hồng Long	307	ý lệ 1/50	1671,0	1415,7	CLN	Đất do ông Đinh Hồng Long khai hoang năm 1980, sử dụng ổn định từ đó đến nay không ai tranh chấp.	Sử dụng ổn định, không tranh chấp, lần chiếm	Thôn Làng Tré, Long Môn
Tổng cộng				4901,7	3.918,4				

Số: 192/UBND-KTTH

Minh Long, ngày 09 tháng 3 năm 2023

Về việc công nhận hiện trạng sử dụng đất, loại đất, diện tích, chủ sử dụng đất đối với các thửa đất có biến động về diện tích giữa giấy CNQSDĐ đã cấp so với hiện trạng sử dụng đất để tính tiền bồi thường, phục vụ công tác GPMB công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê.

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định 21/2019/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về hạn mức giao đất để xây dựng nhà ở; hạn mức công nhận diện tích đất ở và xác nhận diện tích đất ở để tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc phê duyệt báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 19/TTr-TNMT ngày 07/3/2023 của phòng Tài nguyên và Môi trường về việc công nhận hiện trạng sử dụng đất, loại đất, diện tích, chủ sử dụng đất đối các thửa đất có biến động về diện tích giữa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp so với hiện trạng sử dụng đất để tính tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB để thực hiện công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê. Địa điểm xây dựng: Xã Long Môn, huyện Minh Long.

UBND huyện Minh Long thống nhất công nhận hiện trạng sử dụng đất, loại đất, diện tích, chủ sử dụng đất đối với các thửa đất có biến động về diện tích giữa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp so với hiện trạng sử dụng đất để tính tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB để thực hiện công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê. Địa điểm xây dựng: Xã Long Môn, huyện Minh Long, cụ thể như sau:

- Số thửa đất đề nghị công nhận: 02 thửa, thuộc tờ bản đồ trích lục, chỉnh lý số 5, xã Long Môn công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê. Địa điểm xây dựng: Xã Long Môn, huyện Minh Long.
- Diện tích đề nghị công nhận: 30.212 m².

(Có Phụ lục danh sách các thửa đất đề nghị công nhận kèm theo)

Kính trình Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh quan tâm, xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT;
- VPĐKQSD đất tỉnh-CN Minh Long;
- Ban QLDAĐTĐ và PTQĐ huyện;
- UBND xã Long Môn;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Thị Xuân Hương

DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT
THEO HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN BỐ TRÍ ỒN ĐỊNH DÂN CƯ VÙNG ĐBKK THÔN LÀNG TRỀ

Địa điểm: Xã Long Môn - huyện Minh Long - tỉnh Quảng Ngãi

(Phụ lục kèm theo Công văn số 192/UBND-KTTH ngày 09 tháng 3 năm 2023 của UBND huyện Minh Long)

TT	Thông tin theo trích lục, chỉnh lý bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/5000 năm 2022						Theo GCN QSDĐ				Nguồn gốc đất	Tình trạng tranh chấp	Nguyên nhân đề nghị công nhận diện tích loại đất chủ sử dụng đất	Khu vực, vị trí	Đề nghị công nhận		
	Chủ sử dụng	Tờ BB địa chính khu đất số	Số thửa	Diện tích chính lý (m ²)	Diện tích quy hoạch (m ²)	Loại đất	Tờ BB địa chính số	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Tăng/Giảm diện tích				Diện tích (m ²)	Loại đất	Chủ sử dụng đất
1	Đình Minh Dũng	1	300	3320,8	2258,7	CLN	5	300	4229,0	CLN	-908,2	Sử dụng ổn định, không tranh chấp, lấn chiếm	Thừa đất đúng chủ sử dụng đất nhưng giảm diện tích đất so với GCNQSDĐ do tiếp biến bản đồ VLAP và bản đồ DLN	Vị trí 1	3320,8	CLN	Đình Minh Dũng
2	Đình Hồng Long	1	316	26891,2	5303,5	RSX	5	316	28746,0	RSX	-1854,8	Sử dụng ổn định, không tranh chấp, lấn chiếm	Thừa đất đúng chủ sử dụng đất nhưng biến động giảm về diện tích đất so với GCNQSDĐ do thu hồi 1342,9m ² để làm trạm y tế xã năm 2013 chưa chỉnh lý được GCN (do giai đoạn đó chủ hộ làm thất lạc GCN QSDĐ) và phần diện tích giảm còn lại 511,9m ² do tiếp biến bản đồ VLAP và bản đồ DLN	Vị trí 1	26891,2	RSX	Đình Hồng Long
Tổng cộng:				30212,0	7562,2				32975,0	0,0					30212,0		



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **81**/UBND-KTHT

Minh Long, ngày **07** tháng 02 năm 2023

V/v thống nhất đơn giá bồi thường cây Lúa để làm áp giá tính giá trị bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện xây dựng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê

Kính gửi:

- Ban quản lý Dự án ĐTXD và PTQĐ huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc phê duyệt báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê;

Căn cứ Thông báo thu hồi đất số 19/TB-UBND đến số 64/TB-UBND ngày 31/01/2022 của UBND huyện Minh Long về việc thông báo thu hồi đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang quản lý sử dụng đất để xây dựng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê. Địa điểm: Xã Long Môn, huyện Minh Long;

Theo năng suất vụ cao nhất trong 03 năm liền kề (2020, 2021, 2022) của xã Long Môn được phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện thống nhất tại Công văn số 01/CV-NNPTNT ngày 03/02/2023 và đề nghị của Ban quản lý Dự án ĐTXD và PTQĐ tại Tờ trình số 26/TTr-BQL ngày 06/02/2023 về việc xin phê duyệt đơn giá bồi thường cây lúa để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê.

UBND huyện có ý kiến như sau:

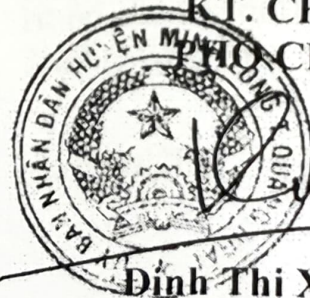
1. Thống nhất đơn giá bồi thường cây Lúa để có cơ sở áp giá, lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê, xã Long Môn là 3.040 đồng/m²

2. Căn cứ vào đơn giá bồi thường cây lúa đã được UBND huyện thẩm định, Ban quản lý Dự án ĐTXD và PTQĐ và các đơn vị liên quan tổ chức thẩm định và trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định hiện hành.

Yêu cầu Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Phòng Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- C, PCVP;
- Lưu VT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đinh Thị Xuân Hương

Số: 280/UBND-KTTH

Minh Long, ngày 30 tháng 3 năm 2023

V/v thống nhất thu hồi diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi mà không còn khả năng canh tác do ảnh hưởng của Công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê

Kính gửi:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện;
- Ban quản lý DAĐTXD và PTQĐ huyện;
- Văn phòng ĐKĐĐ-CN Minh Long;
- Ủy ban nhân dân xã Long Môn.

Xét đề nghị của Ban quản lý DAĐTXD và PTQĐ huyện tại Tờ trình số 82/TTr-BQL ngày 29/3/2023, về việc xin chủ trương thu hồi diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi mà không còn khả năng canh tác do ảnh hưởng của Công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê.

Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến như sau:

1. Thống nhất thu hồi diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi mà không còn khả năng canh tác do ảnh hưởng của công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê theo đề nghị của Ban quản lý DA TXD và PTQĐ huyện tại Tờ trình số 82/TTr-BQL ngày 29/3/2023.

2. Ban quản lý DAĐTXD và PTQĐ huyện có trách nhiệm lập Phương án bồi thường theo đúng quy định hiện hành, đồng thời phối hợp với UBND xã Long Môn, phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho UBND huyện Quyết định thu hồi diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi mà không còn khả năng canh tác do ảnh hưởng của Công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê.

3. Ủy ban nhân dân xã Long Môn, Ban quản lý DAĐTXD và PTQĐ, Phòng Tài nguyên và Môi trường lập thủ tục, hồ sơ tham mưu cho UBND huyện đề nghị UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường giao đất cho UBND xã Long Môn quản lý, sử dụng và không được tính bồi thường cho các dự án tiếp theo.

Yêu cầu Ban quản lý DAĐTXD và PTQĐ huyện, Ủy ban nhân dân xã Long Môn, Phòng Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND huyện;
- BQLDA ĐTXD&PTQĐ huyện;
- C, PCVP;
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Thị Xuân Hương



UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 468 /STC-QLGCS
V/v thông báo đơn giá gạo
tẻ thường quý II/2023 để làm
cơ sở tính hỗ trợ ổn định
đời sống khi Nhà nước
thu hồi đất

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 4 năm 2023

Kính gửi:

- Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm: Phát triển quỹ đất tỉnh và Phát triển quỹ đất các huyện, thành phố, thị xã.

Thực hiện Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; trên cơ sở hệ số bù cước vận chuyển theo quy định tại Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định về đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc khi nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Sở Tài chính thông báo đơn giá gạo tẻ thường bình quân Quý II/2023 để làm cơ sở tính hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã; như sau:

1. Các huyện: Bình Sơn, Tư Nghĩa, Mộ Đức; thị xã Đức Phổ và Thành phố Quảng Ngãi là 12.300 đồng/kg.
2. Các huyện Nghĩa Hành, Sơn Tịnh là 12.460 đồng/kg.
3. Các huyện Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Trà Bồng (gồm Thị trấn Trị Xuân và các xã: Trà Bình, Trà Bùi, Trà Giang, Trà Hiệp, Trà Lâm, Trà Phú, Trà Sơn, Trà Tân, Trà Thủy) là 12.500 đồng/kg.
4. Huyện Sơn Tây là 12.580 đồng/kg.
5. Các xã còn lại thuộc huyện Trà Bồng là 12.990 đồng/kg.
6. Huyện Lý Sơn là 13.650 đồng/kg.

Hết quý II/2023, đơn giá gạo tẻ thường bình quân có sự biến động, Sở Tài chính sẽ có thông báo lại để các đơn vị có liên quan thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Tài chính;
- + GD và các PGD Sở;
- + Website STC
- Lưu: VT, QLGCS(vy).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
TÀI CHÍNH
QUẢNG NGÃI
Nguyễn Anh Nam



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1569/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023
của huyện Minh Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Minh Long;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Minh Long tại Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 22/12/2022 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6818/TTr-STNMT ngày 31/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Minh Long, với các nội dung sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch (Chi tiết tại Biểu 01 kèm theo).

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 (Chi tiết tại Biểu 02 kèm theo).

3. Kế hoạch thu hồi đất năm 2023 (Chi tiết tại Biểu 03 kèm theo).

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023 (Chi tiết tại Biểu 04 kèm theo).

5. Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2023.

a) Tổng danh mục các công trình dự án thu hồi đất là 08 công trình, dự án với tổng diện tích là 5,6ha. Trong đó:

- Có 07 công trình, dự án phải thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai, với tổng diện tích 4,0ha, được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 (Chi tiết tại Phụ biểu 01 kèm theo).

- Có 01 công trình, dự án thu hồi đất xin tiếp tục thực hiện trong năm 2023, với diện tích 1,6ha, được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 (Chi tiết tại Phụ biểu 02 kèm theo).

b) Có 04 công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa (diện tích 0,76ha) sang đất phi nông nghiệp năm 2023 huyện Minh Long được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 (Chi tiết tại Phụ biểu 03 kèm theo).

c) Danh mục các công trình, dự án không thuộc Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai:

Có 01 công trình, dự án không thuộc Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai, với diện tích 0,04ha (Chi tiết tại Phụ biểu 04 kèm theo).

6. Có 01 công trình, dự án không thuộc quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai xin tiếp tục thực hiện trong năm 2023 của huyện Minh Long với diện tích 0,37ha (Chi tiết tại Phụ biểu 05 kèm theo).

7. Có 08 công trình, dự án đã thu hồi đất xin tiếp tục thực hiện thủ tục đất đai trong năm 2023 của huyện Minh Long với tổng diện tích 15,84ha (Chi tiết tại Phụ biểu 06 kèm theo).

8. Có 02 công trình, dự án xin điều chỉnh thông tin (Chi tiết tại Phụ biểu 07 kèm theo).

9. Danh mục công trình, dự án tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất năm

2023:

Trong năm 2023, UBND huyện Minh Long đăng ký tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất 07 công trình, dự án với tổng diện tích 62,71ha (*Chi tiết tại Phụ biểu 08 kèm theo*).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Minh Long chịu trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai và chịu trách nhiệm nội dung đăng ký danh mục công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; trường hợp có phát sinh công trình, dự án mới trong năm kế hoạch sử dụng đất đề xuất UBND tỉnh (*thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) để được điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất theo quy định; trường hợp triển khai thực hiện thủ tục đất đai mà phát hiện công trình, dự án đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm chưa đúng theo quy định pháp luật đất đai thì kịp thời đề xuất UBND tỉnh (*thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) xem xét điều chỉnh quyết định cho đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Minh Long và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, các Phòng N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KTN (Inphong10)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

HÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền

Số: 1447/QĐ-UBND

Minh Long, ngày 30 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình:
Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MINH LONG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định 872/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Bảng xếp loại đường tỉnh để xác định cước vận tải đường bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định 989/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Quyết định 990/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc công bố giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1405/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc giao đơn vị chuẩn bị đầu tư các dự án năm 2022 thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, trên địa bàn huyện Minh Long;

Căn cứ Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc Phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật và dự toán chi phí chuẩn bị dự án: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê;

Căn cứ Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc phê duyệt chỉ định đơn vị tư vấn nhận thầu khảo sát, lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê;

Căn cứ Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc phê duyệt chỉ định đơn vị tư vấn nhận thầu thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê;

Xét Tờ trình số 399/TTr-BQL ngày 30/8/2022 của Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện về việc thẩm định và phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê; Báo cáo thẩm định số 65/KQTD-KTHT ngày 30/8/2022 của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê, với các nội dung chủ yếu sau:

1. **Tên công trình:** Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê.
2. **Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND huyện Minh Long.
3. **Chủ đầu tư:** BQL dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Minh Long.
4. **Địa điểm xây dựng:** Xã Long Môn, huyện Minh Long.
5. **Đơn vị lập Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình:** Công ty TNHH tư vấn tổng hợp Bình Minh.
6. **Nguồn vốn:** Vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
7. **Thời gian thực hiện:** Năm 2022 - 2023.
8. **Hình thức đầu tư:** Xây dựng mới.
9. **Loại, cấp công trình:** Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.
10. **Mục tiêu đầu tư:**

Nhằm tập trung dân cư từ các khu dân cư hiện hữu có nguy hiểm cao bị ảnh hưởng bởi thiên tai, góp phần ổn định tinh thần và cuộc sống, từ đó thúc đẩy sự phát triển về đời sống kinh tế, văn hoá cho nhân dân. Đồng thời đem lại cho người dân môi trường sống trong sạch, lành mạnh và hiện đại. Đầu tư xây dựng công trình: Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê góp phần thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Minh Long theo chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Tạo mỹ quan trong khu vực trung tâm xã; góp phần từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật của xã Long Môn trong giai đoạn phân đầu xã đạt nông thôn mới.

11. Danh mục các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

11.1. Khảo sát:

- TCVN 4319:2012 Công tác trắc địa trong xây dựng – Yêu cầu chung;
- QCVN 11:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao;
- 22TCN 56-98 Quy trình khảo sát địa chất vùng sụt trượt;
- 22TCN 171-87 Quy trình khảo sát địa chất công trình và thiết kế, biện pháp ổn định nền đường vùng có hoạt động trượt, sụt lở;
- TCCS 31 : 2020/TCĐBVN Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát (tham khảo).

11.2. Thiết kế:

- TCVN 4319:2012: Nhà và công trình công cộng – Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;
- TCVN 5573-2012 (Kết cấu gạch đá và BTCT - tiêu chuẩn thiết kế);
- TCVN 5574-2018 (kết cấu BT và BTCT, tiêu chuẩn thiết kế);
- TCVN 5575-2012 (kết cấu thép, tiêu chuẩn thiết kế);
- TCVN 2737:2020: Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế;
- Tiêu chuẩn thiết kế áo đường cứng 22TCN223-95.
- TCVN 8859: 2011 Móng cấp phối đá dăm trong kết cấu đường ô tô - Thi công và nghiệm thu (tham khảo).
- TCVN 9436-2012 - Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu (tham khảo).
- TCXD 40. 1987 Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản tính toán.
- Quy chuẩn xây dựng, phần II (phần kết cấu);
- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 682/BXD-CSXD ngày 14/12/1996 và Quyết định số 439/BXD-CSXD ngày 25/9/1997 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Một số các quy trình, quy phạm khảo sát, thiết kế, thi công và nghiệm thu khác có liên quan.

12. Quy mô, giải pháp thiết kế :

12.1. Quy mô:

- Tổng diện tích xây dựng giai đoạn này là $18.296,55\text{m}^2$. Trong đó: Diện tích đất ở 25 lô 10.010m^2 ; diện tích đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật (mương hoàn trả và taluy) $8.286,55\text{m}^2$. Đắp đất san nền đầm chặt $K \geq 0,85$.

- Tuyến đường nội bộ khu 01, chiều rộng nền đường 4,0m, chiều dài tuyến đường là 131,03m.

- Gia cố mái taluy đắp bằng rọ đá và trồng cỏ, chiều dài 190,0m. Diện tích trồng cỏ $1.149,0\text{m}^2$.

- Rãnh bê tông hình thang bằng bê tông xi măng và mương đất.

- 02 cống dân sinh BxH (50x80)cm vào khu 1 và khu 2, tổng chiều dài 23,0m. Trong đó cống vào khu 1 dài 12,0m và cống vào khu 2 dài 11,0m.

12.2. Giải pháp thiết kế:

a) San nền:

- Tại những vị trí có cao độ thiết kế thấp hơn so với cao độ tự nhiên thì tiến hành đào đất, có mái dốc taluy với độ dốc 1:1;

- Tại những vị trí có cao độ thiết kế cao hơn so với cao độ tự nhiên thì tiến hành đắp đất cấp III, đắp đất từng lớp có chiều dày 0,2-0,3m lu lèn có hệ số đầm chặt $K \geq 0,85$, có mái dốc taluy với độ dốc 1:1;

- Chia lưới san thành từng ô vuông kích thước (10x10)m;

- San nền bám theo hiện trạng và có độ dốc là 4%.

b) Đường đi nội bộ:

- Đường đất rộng 4,0m, tuyến số 01 dài 131,03m, tuyến số 02 dài 116,9m.

- Nền đường đất lu lèn $K \geq 0,85$ (đất san nền).

- Độ dốc dọc lớn nhất 13,15%.

- Độ dốc ngang mặt đường 2%.

c) Gia cố mái:

Gia cố mái taluy đắp bằng rọ đá và trồng cỏ.

- Phần chân mái taluy gia cố bằng rọ đá cao 3,0m, kích thước rọ (2x1x1)m, dây thép $d=3\text{mm}$, thả và xếp đá hộc. Rải vải địa kỹ thuật cao 3,0m dọc theo chiều dài của rọ đá.

- Phần mái taluy trồng cỏ.

d) Cống dân sinh:

- Kết cấu cống bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ, bê tông mác 200, đá 2x4.

- Móng cống bê tông mác 200, đá 2x4; bê tông xà mũ, bản mặt mác 250, đá 1x2.

- Bê tông móng tường đầu cống, tường đầu cống mác 150 đá 2x4.

- Hai bên thân cống đệm cấp phối đá dăm.

e) Rãnh bê tông + mương đất hoàn trả:

- Rãnh hình thang thoát nước trong khu dân cư, bằng bê tông M150, đá 1x2 dày 12cm.

- Kích thước rãnh hình thang có đáy nhỏ 40cm, đáy lớn 120cm chiều cao 40cm. Mái ta luy rãnh và độ dốc lòng rãnh theo độ dốc san nền.

- Mương hoàn trả hình thang có đáy nhỏ 4,0m, đáy lớn 7,0m chiều cao trung bình 1,5m.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án.

14. Tổng mức đầu tư: 5.963.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ chín trăm sáu mươi ba triệu đồng).

Đơn vị: Đồng.

Stt	Nội dung chi phí	Dự toán được phê duyệt
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư	2.593.000.000
2	Chi phí xây dựng	2.644.659.689
3	Chi phí quản lý dự án	69.746.889
4	Chi phí tư vấn xây dựng	382.326.143
5	Chi phí khác	267.882.842
6	Chi phí dự phòng	5.384.437
	Tổng dự toán	5.963.000.000

Điều 2. Quyết định này là căn cứ để Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện triển khai các bước tiếp theo, đảm bảo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng huyện; Thủ trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch; Kho bạc nhà nước huyện; Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện; Chủ tịch UBND xã Long Môn; Công ty TNHH tư vấn tổng hợp Bình Minh và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- CT, các PCT;
- VP: PVP;
- Lưu VT.



**KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Bảy



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **213** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **29** tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 ban hành quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 – 2024); số 55/2022/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 - 2024) kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020, Quyết định 64/2021/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 và Quyết định 47/2022/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của UBND các huyện, thành phố; kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh; đề xuất Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại các Tờ trình và Báo cáo số 62/BC-STNMT ngày 24/3/2023; ý kiến thống nhất của Thành viên UBND tỉnh tại Thông báo số 159/TB-UBND ngày 27/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất thực hiện trong năm 2023 để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện 31 dự án, công trình trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch sử dụng đất được duyệt (Chi tiết theo các Phụ lục đính kèm)

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh và UBND các huyện, thành phố chịu hoàn toàn trách

nhiệm về kết quả xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Trà Bồng, Sơn Tịnh, Minh Long, Mộ Đức, Bình Sơn, Sơn Tây và thành phố Quảng Ngãi; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực UBND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, P.KTN, CBTH;
- Lưu: VT, P.KTTH Tien106.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Phiên

Phụ lục số 15

Hệ số điều chỉnh giá đất và các điều chỉnh giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất phục vụ công trình: Dự án bố trí ổn định
dân cư vùng ĐBKê thôn Lang Trá, xã Long Môn, huyện Minh Long
(Kèm theo Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh)

* Cơ sở pháp lý:

- Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 21/02/2023 của UBND huyện Minh Long;
- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 64/TB-HĐTĐGD ngày 09/3/2023;
- Tờ trình số 1018/TTr-STNMT ngày 13/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	*Đối với đất nông nghiệp:	
1.1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
1.2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00
1.3	Đất rừng sản xuất thuộc vị trí 1	1,00

**BẢNG XÁC NHẬN NHÂN KHẨU CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN PHỤC VỤ CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG
MẶT BẰNG ĐỂ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ VÙNG ĐBKK THÔN LÀNG TRÊ**

Địa điểm xây dựng: xã Long Môn, huyện Minh Long

STT	Tên người kê khai	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Số nhân khẩu	Số nhân khẩu là CB, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp)	Số nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức	Số nhân khẩu được hỗ trợ	Ghi chú
1	Đinh Thị Xấy	1946	Thôn Làng Trê, xã Long Môn	1	0	1	1	
2	Đinh Thị Sen	1951	Thôn Làng Trê, xã Long Môn	2	0	2	2	
3	Đinh Văn Ló	1976	Thôn Làng Trê, xã Long Môn	3	0	3	3	
4	Đinh Văn Hách	1987	Thôn Làng Trê, xã Long Môn	4	0	4	4	
5	Đinh Văn Đem	1980	Thôn Làng Trê, xã Long Môn	4	0	4	4	
6	Đinh Trưa	1960	Thôn Làng Trê, xã Long Môn	6	0	6	6	
7	Đinh Văn Tân	1986	Thôn Làng Trê, xã Long Môn	3	0	3	3	

8	Đinh Minh Dũng	1975	Thôn Làng Tré, xã Long Môn	3	0	3	3	
9	Đinh Hồng Long	1966	Thôn Làng Tré, xã Long Môn	4	1	3	3	
10	Đinh Thị Ba	1985	Thôn Làng Giữa, xã Long Môn	4	0	4	4	
11	Đinh Văn Bồi	1982	Thôn Làng Giữa, xã Long Môn	4	0	4	4	
Tổng cộng:				38	1	37	37	

Long Môn, ngày 10 tháng 02 năm 2023
XÁC NHẬN ỦY BAN QUANG MÔN

PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Văn Vinh

BẢNG XÁC NHẬN NGUỒN GỐC ĐẤT, DIỆN TÍCH ĐẤT TĂNG GIẢM VÀ TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP HỢP PHÁP CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT BỊ THU HỒI PHỤC VỤ CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN BỐ TRÍ ÔN ĐỊNH DÂN CƯ VÙNG ĐBKK THÔN LÃNG TRỀ

ĐỊA ĐIỂM: XÃ LONG MƠN, HUYỆN MINH LONG, TỈNH QUẢNG NGÃI

STT		Tên chủ sử dụng đất	Thường trú	Giấy CNQSDĐ										Tờ bản đồ địa chính trích đo tỷ lệ 1/1000 và 1/5000										Công trình:		Tổng DT đất NN sử dụng	Tổng DT đất NN bị thu hồi	Tỷ lệ % thu hồi	Nguồn gốc đất	Ghi chú
				Ngày cấp	Số sổ	Số vào sổ	Diện tích	Đất ở	Đất vườn	Đất NN	Loại đất	Diện tích tăng, giảm so với Giấy CNQSDĐ	Tờ bản đồ	Số thửa	DT do vẽ (m2)	Diện tích OH (m2)	Diện tích thu hồi (m2)	DT còn lại (m2)	DT tích thu hồi (m2)	Loại đất	Tổng DT đất sử dụng hợp pháp									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27				
											0	4	96	30,3	0,8	0	29,5	0,8	LUC	30,3	30,3				Đất do bà Đình Thị Xáy khai hoang năm 1980, sử dụng ổn định từ đó đến nay không ai tranh chấp	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014, nhưng chưa được giao đất NN				
									162,3	LUC	0	4	97	162,3	90,7	16,8	54,8	107,5	LUC	162,3	162,3				Được nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014				
									148,6	LUC	0	4	113	148,6	117,6	31	0,0	148,6	LUC	148,6	148,6				Được nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014				
									135,6	LUC	0	4	111	135,6	135,6	0	0,0	135,6	LUC	135,6	135,6				Được nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014				
									109,7	LUC	0	4	100	109,7	42,9	0	66,8	42,9	LUC	109,7	109,7				Được nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014				
									71	LUC	0	4	107	71,0	71,0	0	0,0	71,0	LUC	71,0	71,0				Được nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014				
1	Đình Thị Xáy	Xã Long Môn																				27222,9	506,4	1,86						

19/11/2010	BE 530339	CH02888	445,6			445,6	LUC	0	4	114	445,6	192,8	0	232,8	192,8	LUC	445,6	445,6
19/11/2010	BD 075330	CH02887	79,6			79,6	LUC	0	4	112	79,6	79,6	0	0,0	79,6	LUC	79,6	79,6
19/11/2010	BD 075328	CH02886	97,7			97,7	LUC	0	4	110	97,7	97,7	0	0,0	97,7	LUC	97,7	97,7
19/11/2010	BD 075326	CH02885	38,5			38,5	LUC	0	4	109	38,5	38,5	0	0,0	38,5	LUC	38,5	38,5
19/11/2010	BD 075343	CH02893	27,1			27,1	LUC	0	4	128	27,1	27,1	0	0,0	27,1	LUC	27,1	27,1
19/11/2010	BD 075341	CH02891	87,1			87,1	LUC	0	4	126	87,1	87,1	0	0,0	87,1	LUC	87,1	87,1
19/11/2010	BD 075340	CH02890	346,4			346,4	LUC	0	4	125	346,4	346,4	0	0,0	346,4	LUC	346,4	346,4
19/11/2010	BD 075342	CH02892	65,1			65,1	LUC	0	4	127	65,1	65,1	0	0,0	65,1	LUC	65,1	65,1
15/4/2014	BT 856276	CH03914	69,1			69,1	BHK	0	3	38	69,1	57,2	11,9	0,0	69,1	BHK	69,1	69,1

2
Định Thi
Xã Long
Môn

58770,1

1119,9

1,91

Được nhà nước công nhận QSDD như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 13/5/2014
Được nhà nước công nhận QSDD như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 13/5/2014
Được nhà nước công nhận QSDD như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 13/5/2014
Được nhà nước công nhận QSDD như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 13/5/2014
Được nhà nước công nhận QSDD như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 13/5/2014
Được nhà nước công nhận QSDD như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 13/5/2014
Được nhà nước công nhận QSDD như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 13/5/2014

19/11/2010	BD 075297	CH02882	399,9	399,9	LUC	0	3	46	399,9	114,6	0	285,3	114,6	LUC	399,9	399,9	Được nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014
19/11/2010	BD 075309	CH02883	190,4	190,4	LUC	0	3	61	190,4	1,9	0	188,5	1,9	LUC	190,4	190,4	Được nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014
19/11/2010	BD 075323	CH02939	115,4	115,4	LUC	0	4	106	115,4	39,4	0	76,0	39,4	LUC	115,4	115,4	Được nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014
19/11/2010	BD 075322	CH02938	87,2	87,2	BHK	0	4	105	87,2	87,2	0	0,0	87,2	BHK	87,2	87,2	Được nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014
19/11/2010	BD 075321	CH02937	66,1	66,1	BHK	0	4	104	66,1	66,1	0	0,0	66,1	BHK	66,1	66,1	Được nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014
19/11/2010	BD 075325	CH02940	61,1	61,1	BHK	0	4	108	61,1	61,1	0	0,0	61,1	BHK	61,1	61,1	Được nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014
19/11/2010	BD 075282	CH02935	338,4	338,4	BHK	0	3	21	338,4	146,4	0	192,0	146,4	BHK	338,4	338,4	Được nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014
19/11/2010	BD 075281	CH02934	55,8	55,8	BHK	0	3	20	55,8	51,1	4,7	0,0	55,8	BHK	55,8	55,8	Được nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014
19/11/2010	BD 075279	CH02933	25,9	25,9	BHK	0	3	19	25,9	25,9	0	0,0	25,9	BHK	25,9	25,9	Được nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014

4	Đình Thủ Ba	Xã Long Môn								0	4	180	1765,3	1677,1	0	88,2	1677,1	CLN	1765,3	1765,3	24721,3	1677,1	6,78	Đất do cha mẹ bà Ba khai hoang năm 1980, đến năm 2005 cho con là Đình Thị Ba sử dụng ổn định từ đó đến nay không tranh chấp	Hộ gia đình, cả nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014, nhưng chưa được giao đất NN
5	Đình Văn Hách	Xã Long Môn								0	3	81	356,2	348,3	7,9	0,0	356,2	CLN	356,2	356,2	37464,2	356,2	0,95	Đất do cha mẹ ông Hách khai hoang năm 1980, đến năm 2007 cho con là Đình Văn Hách sử dụng ổn định từ đó đến nay không tranh chấp	Hộ gia đình, cả nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014, nhưng chưa được giao đất NN
6	Đình Văn Búi	Xã Long Môn								0	3	80	1078,9	476,5	0	602,4	476,5	CLN	1078,9	1078,9	1078,9	476,5	44,17	Đất do cha mẹ ông Búi khai hoang năm 1980, đến năm 2000 cho con là Đình Văn Búi sử dụng ổn định từ đó đến nay không tranh chấp	Hộ gia đình, cả nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014, nhưng chưa được giao đất NN
7	Đình Văn Đem	Xã Long Môn								826,1	3	40	826,1	826,1	0	0,0	826,1	LUC	826,1	826,1	20765,2	826,1	3,98	Được nhà nước công nhận QSDD như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cả nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014
8	Đình Trưa	Xã Long Môn								767,7	3	41	767,7	767,7	0	0,0	767,7	LUC	767,7	767,7	45311,1	767,7	1,69	Được nhà nước công nhận QSDD như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cả nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014
9	Đình Văn Tân	Xã Long Môn								7707,7	5	925	1080,5	115,1	0	965,4	115,1	CLN	1080,5	1080,5	18663,6	115,1	0,62	Được nhà nước công nhận QSDD như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cả nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014
										103,3	3	36	103,3	48,7	54,6	0,0	103,3	LUC	103,3	103,3				Được nhà nước công nhận QSDD như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cả nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014
										23,3	3	37	23,3	23,3	0	0,0	23,3	LUC	23,3	23,3				Được nhà nước công nhận QSDD như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cả nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014

Đình Minh Dũng	15/4/2014	BT 856252	CH03894	13,3		13,3	LUC	0,0	13,3	0	13,3	13,3	13,3					Được nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014	
	15/4/2014	BT 856254	CH03896	218,8		218,8	LUC	0	218,8	0	218,8	218,8	218,8		51765,4	3036,1	5,87	Được nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014	
	15/4/2014	BT 856253	CH03895	185,2		185,2	LUC	0	185,2	0	185,2	185,2	185,2					Được nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014	
	15/4/2014	BT 856255	CH03897	233,5		233,5	LUC	0	233,5	0	233,5	233,5	233,5					Được nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014	
	15/7/2008	AN 064873	H.00607	4229		4229	CLN	-908,2	5	300	3320,8	2258,7	0	1062,1	2258,7	CLN	3320,8	Được nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014	
	04/12/2020	CT 937311	CS04712	28746		28746	RSX	-20383,6	5	316	8362,4	5303,5	0	3058,9	5303,5	RSX	8362,4	Được nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014	
																		Đất do ông Đình Hồng Long khai hoang năm 1980, sử dụng ổn định từ đó đến nay không ai tranh chấp	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014, nhưng chưa được giao đất NN	
																		Được nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/CP ngày 15/5/2014	
Đình Hồng Long	11	Xã Long Môn													82387,5	6738,2	8,18			
		TỔNG CỘNG													428699,6	16101,2				

Long Môn, ngày 40 tháng 02, năm 2023

CÔNG CHỨC ĐỊA CHÍNH

Quang Sơn

Hồ Quang Thành

Long Môn, ngày 40 tháng 02, năm 2023

CÔNG CHỨC ĐỊA CHÍNH

Quang Sơn

Hồ Quang Thành



